

Số: 06 /TB-HĐXTH

Quảng Bình, ngày 30 tháng 10 năm 2020

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức thi sát hạch (vòng 2) kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2020

Thực hiện Đề án số 369/ĐA-UBND ngày 13/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2020; Quy chế Tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tỉnh Quảng Bình năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-HĐT ngày 31/8/2020 của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tỉnh Quảng Bình năm 2020; Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tỉnh Quảng Bình năm 2020 thông báo thời gian tổ chức sát hạch kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tỉnh Quảng Bình năm 2020 (vòng 2) như sau:

1. Thời gian thi sát hạch (vòng 2): Vào lúc 8 giờ 00 phút, thứ 3, ngày 17 tháng 11 năm 2020; địa điểm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm thanh niên tỉnh Quảng Bình (42 Trần Quang Khải, Phường Đồng Phú, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình).

2. Danh sách thí sinh (giáo viên) đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi sát hạch (vòng 2); danh mục tài liệu ôn tập thi sát hạch (vòng 2) được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Bình, địa chỉ: www.quangbinh.gov.vn và trên Trang thông tin điện tử Sở Nội vụ Quảng Bình, địa chỉ: <https://snv.quangbinh.gov.vn>. Thí sinh (giáo viên) kiểm tra kỹ trên danh sách niêm yết về các thông tin họ, tên, ngày tháng năm sinh và các thông tin cá nhân khác, nếu có sai sót, nhầm lẫn thì phải báo ngay cho Hội đồng xét thăng hạng để kịp thời xem xét, điều chỉnh bổ sung.

3. Yêu cầu các thí sinh (giáo viên) tập trung đúng thời gian, địa điểm, mang theo giấy chứng minh nhân dân (thẻ căn cước) hoặc các giấy tờ tùy thân hợp pháp khác (có dán ảnh) để làm thủ tục trước khi vào phòng thi sát hạch.

4. Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã thông báo các nội dung trên đến giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý tham gia kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tỉnh Quảng Bình năm 2020 để biết và thực hiện.

Lưu ý: Thí sinh (giáo viên) có thể đến tại địa điểm thi sát hạch để xem phòng thi sát hạch, sổ báo danh, các thông tin cá nhân vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 16/11/2020.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Trang thông tin điện tử SNV (đăng tải);
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- UBND các huyện, TP, TX;
- Lưu: HĐXTH.

TM. HỘI ĐỒNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ
Trần Đình Dinh

DANH MỤC

Tài liệu phục vụ ôn tập vòng sát hạch kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2020

(Kèm theo Thông báo số 150/TB-HĐXTTH ngày tháng năm 2020 của Hội đồng Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2020)



I. CÁC VĂN BẢN CHUNG CHO CÁC CẤP HỌC

1. Luật Giáo dục năm 2019;
2. Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;
3. Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;
4. Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đạo đức nhà giáo;
5. Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo.

II. CÁC VĂN BẢN RIÊNG CHO CÁC CẤP HỌC

1. Cấp Mầm non:

- 1.1. Văn bản hợp nhất 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non;
- 1.2. Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non công lập;
- 1.3. Thông tư số 48/TT- BGDDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2011 Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non.

2. Cấp Tiểu học:

- 2.1. Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học;
- 2.2. Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập;
- 2.3. Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông.
- 2.4. Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09/6/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giáo

viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT.

3. Cấp Trung học cơ sở:

3.1. Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

3.2. Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS công lập;

3.3. Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

3.4. Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09/6/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT.

4. Cấp Trung học phổ thông:

4.1. Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

4.2. Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THPT công lập;

4.3. Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

4.4. Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09/6/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT.

**DANH SÁCH GIÁO VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA VÒNG SÁT HẠCH
KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN
KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ TỪ HẠNG II LÊN HẠNG I NĂM 2020**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm xét hồ sơ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Lê Thanh Hoàn	14/07/1985		Phó H.trưởng	THCS Quảng Thuận	101	
2	Nguyễn Xuân Hoàng	20/5/1980		Tổ trưởng CM	THCS Quảng Phúc	101	
3	Phan Văn Giáp	1/8/1984		Hiệu trưởng	Trường THCS Đại Trạch	101,4	
4	Nguyễn Văn Hà	10/9/1977		Hiệu trưởng	Trường THCS Trung Trạch	101,4	
5	Phan Xuân Bình	3/2/1979		GV	Trường THCS Vạn Trạch	100,4	
6	Hoàng Anh Tuấn	18/8/1978		Hiệu trưởng.	Trường THCS Đồng Trạch	100,4	
7	Nguyễn Thị Lài		9/11/1978	GV	Trường THCS Lưu Trọng Lư	101	
8	Hoàng Thị Sâm		12/2/1988	GV	Trường THCS Mỹ Trạch	101,4	
9	Trần Thị Hà		25.6.1977	Hiệu trưởng	THCS Võ Ninh	101,4	
10	Trương Thị Bích Huyền		07.12.1978	Giáo viên	THCS Võ Ninh	101	
11	Nguyễn Thị Thanh Hà		27.9.1978	Giáo viên	THCS Võ Ninh	100	
12	Nguyễn Thị Thanh Nhân		04.4.1980	Giáo viên	THCS Võ Ninh	101,7	
13	Nguyễn Thị Minh Hằng		30.8.1986	Giáo viên	THCS Võ Ninh	100	
14	Nguyễn Thị Thu		04.05.1976	Hiệu trưởng	THCS Hàm Ninh	100,3	
15	Võ Hữu Thọ	20.11.1978		PHT	THCS Hàm Ninh	100	
16	Trần Đại Nghĩa	03.11.1978		Giáo viên	THCS Xuân Ninh	101	
17	Trần Thị Hải Duyên		14.4.1985	Giáo viên	THCS Xuân Ninh	100,4	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm xét hồ sơ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
18	Tổng Thị Kim Hồng		01.11.1978	Giáo viên	THCS Xuân Ninh	101	
19	Hoàng Văn Minh	12.11.1980		PHT	PTDT Nội Trú	101	
20	Nguyễn Văn Thọ	18.02.1979		Giáo viên	PTDT Nội Trú	101	
21	Hà Văn Mẫn	27.4.1979		Giáo viên	PTDT Nội Trú	101	
22	Từ Công Khánh	26.6.1974		Hiệu trưởng	THCS An Ninh	101,4	
23	Dương Khánh Tùng	01.12.1978		Giáo viên	THCS An Ninh	101	
24	Hoàng Thị Hoài Quyên		04.4.1979	Giáo viên	THCS An Ninh	100	
25	Trần Thị Hồng Đóa		02.01.1980	Giáo viên	THCS An Ninh	101	
26	Dương Thị Mỹ Khương		07.5.1978	Giáo viên	THCS An Ninh	100	
27	Đặng Hoài Xuân	07.8.1972		Giáo viên	THCS An Ninh	101	
28	Trần Thị Mẫn		04.02.1980	Giáo viên	THCS Lương Ninh	101	
29	Lê Thị Hiền		09.02.1978	Giáo viên	THCS Lương Ninh	100	
30	Nguyễn Thị Liệu		08.8.1976	Giáo viên	THCS Lương Ninh	100	
31	Hà Thị Thúy Vân		30.3.1978	Giáo viên	THCS Lương Ninh	100	
32	Lê Thị Hải Như		10.02.1976	PHT	TH-THCS Long Đại	102,4	
33	Đoàn Thị Hiền		12.3.1978	Giáo viên	THCS TT Quán Hàu	100	
34	Trương Thị Lệ Chi		20.6.1984	Giáo viên	THCS TT Quán Hàu	100	
35	Cái Viết Tình	22.11.1980		Phó HT	THCS Tân Ninh	100,3	
36	Bùi Quang Hiến	18.11.1978		Giáo viên	THCS Tân Ninh	100	
37	Đinh Thị Tổ Lan		24.6.1977	Phó HT	THCS Duy Ninh	100	
38	Nguyễn Xuân Thành	26.11.1979		Giáo viên	THCS Trường Xuân	102	
39	Trần Thị Hiền		16.10.1979	Giáo viên	THCS An Ninh	102	
40	Lê Anh Phúc	13.7.1984		P. HT	Trường PTDTBT THCS Trường Sơn	100,3	

29

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm xét hồ sơ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
41	Diệp Minh Quyền	04/5/1974		TPCM	Trường PTDTBT THCS Trường Sơn	100	
42	Cao Thế Cường	20.11.1977		Giáo viên	THCS Võ Ninh	101	
43	Từ Thị Hồng Hoa		22.12.1977	Hiệu trưởng	THCS Hiền Ninh	101,4	
44	Nguyễn Xuân Tới	21.4.1977		Phó HT	THCS Hiền Ninh	100,4	
45	Trần Thị Cẩm Thơ		05.6.1976	Giáo viên	THCS Hiền Ninh	101	
46	Trần Văn Hoan	08.11.1973		Hiệu trưởng	PTDT Nội Trú	100	
47	Hoàng Thị Mỹ Tứ		09.7.1975	Hiệu trưởng	THCS Vĩnh Ninh	101	
48	Trần Thị Mùi		05.8.1979	Giáo viên	THCS Vĩnh Ninh	100	
49	Nguyễn Thị Lương Phượng		20.4.1976	Giáo viên	THCS Vĩnh Ninh	100	
50	Nguyễn Hồng Hạnh		29.9.1980	Giáo viên	THCS Vĩnh Ninh	100	
51	Nguyễn Thị Thu Ngoan		08.12.1978	Giáo viên	THCS Vĩnh Ninh	100	
52	Đỗ Thị Hoài Dương		08.6.1974	Giáo viên	THCS Lương Ninh	100	
53	Đỗ Xuân Hiếu	29.3.1977		Giáo viên	THCS Vĩnh Ninh	100	
54	Đỗ Văn Tuấn	19.10.1977		Giáo viên, Tổ phó CM	THCS Vĩnh Ninh	101	
55	Trần Chung	12.6.1978		Giáo viên	PTDT Bán trú THCS Trường Sơn	101	
56	Hà Đức Việt	06.11.1980		Giáo viên	THCS Hải Ninh	101	
57	Bùi Hải Minh	19.8.1981		Giáo viên	THCS Xuân Ninh	101	
58	Lê Thị Ngọc Diệp		13.3.1977	Giáo viên	THCS Lương Ninh	100,5	
59	Đỗ Xuân Hậu	22.02.1981		Giáo viên	THCS Tân Ninh	101	
60	Lê Đình Lý	27.09.1975		HT	THCS Phong Thủy	101,4	
61	Võ Đức Liền	15.02.1980		PHT	PTDTBT TH-THCS Ngân Thủy	101,4	
62	Lê Dương Quyền	17.11.1976		HT	THCS Kiến Giang	103	

Ch

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm xét hồ sơ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
63	Hồ Thị Minh Ngọc		23.12.1980	PHT	THCS Liên Thủy	102	
64	Trần Thị Khánh Hòa		22.8.1984	GV	THCS Liên Thủy	101	
65	Nguyễn Tấn Dũng	14.3.1962		HT	THCS Sen Thủy	101	
66	Nguyễn Văn Quảng	12.11.1978		GV	THCS Thái Thủy	102	
67	Lê Văn Bình	28.5.1979		HT	PT DTNT	100,4	
68	Phạm Thị Vương		23.12.1978	GV	THCS Xuân Thủy	100,4	
69	Phạm Thị Tuyết Nhung		05.06.1981	GV	THCS An Thủy	100	
70	Trần Thị Lựu		12.02.1974	GV	TH&THCS Cam Thủy	100	
71	Lê Duy Lộc	30.3.1978		PHT	PTDTNT Lệ Thủy	100,4	
72	Phan Thúc Bảy	03.12.1979		PHT	THCS Sơn Thủy	102,4	
73	Dương Văn Dũng	1.1.1985		PHT	THCS Mỹ Thủy	100	
74	Nguyễn Cao Tý	7.12.1976		PHT	THCS Sơn Thủy	100	

Danh sách này gồm có 74 người./.

TM. HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH



Giám đốc Sở Nội vụ
Trần Đình Dinh

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
HĐ XÉT THĂNG HẠNG CDNN
GIÁO VIÊN NĂM 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH GIÁO VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA VÒNG SÁT HẠCH
KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN
KHỎI TIỂU HỌC TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II NĂM 2020**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm xét hồ sơ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Đinh Trung Thông	10/7/1966		Hiệu trưởng	Trường TH Hóa Hợp	101	
2	Cao Thị Hoa Lý		20/01/1974	Phó Hiệu trưởng	Trường TH Yên Hóa	103	
3	Đinh Thị Tuyết Nhung		26/5/1989	Tổ trưởng chuyên môn	Trường TH&THCS số 1 Trọng Hóa	101	
4	Trần Đức Thành	20/6/1987		Tổ trưởng chuyên môn	Trường TH&THCS Hóa Phúc	101	
5	Đinh Thị Thu Na		15/8/1972	Tổ trưởng chuyên môn	Trường TH Yên Hóa	102	
6	Đinh Thị Nhung		8/8/1973	Tổ trưởng chuyên môn	Trường TH Yên Hóa	102	
7	Đinh Thị Thu		15/5/1969	Tổ trưởng chuyên môn	Trường TH Yên Hóa	102	
8	Trần Đình Hải	17/8/1987		Tổ phó chuyên môn	Trường PTDTBT TH&THCS Dân Hóa	100	
9	Đinh Thị Lệ Hoa		4/3/1973	Tổ phó chuyên môn	Trường TH Hồng Hóa	100	
10	Đinh Thị Hà Giang		14/01/1985	Tổ phó chuyên môn	Trường TH Hóa Tiến	100	
11	Đinh Thị Ánh Nguyệt		18/5/1977	Tổ phó chuyên môn	Trường TH Yên Hóa	101	
12	Đinh Thị Hương Giang		10/11/1985	Giáo viên	Trường PTDTBT TH&THCS số 2 Trọng Hóa	100	
13	Cao Thị Thanh Bông		17/8/1986	Giáo viên	Trường TH thị trấn Quy Đạt	100	

12

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm xét hồ sơ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
14	Đinh Thị Kim Tiến		20/4/1979	Giáo viên	Trường TH thị trấn Quy Đạt	100	
15	Trương Thị Hoài Giang		23/2/1988	Giáo viên	Trường TH Bãi Dinh	100	
16	Trần Thị Kim Hòa		3/6/1988	Giáo viên	Trường TH Tân Hóa	100	
17	Đinh Thị Lâm Phương		28/4/1980	Giáo viên	Trường TH Hóa Hợp	100	
18	Nguyễn Thị Hồng Duyên		21/7/1980	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Thủy	100	
19	Trần Thị Quỳnh Nga		06/12/1986	Giáo viên Tiểu học	Trường TH Thuận Hóa	100	
20	Phạm Anh Đại	25/11/1984		Giáo viên	TH số 2 Q.Châu	101	
21	Nguyễn Thị Lý		2/3/1983	Tổ phó CM	TH Số 1 Q.Phú	100	
22	Mai Thị Hoa		3/7/1975	Giáo viên	TH Số 1 Q.Phú	100	
23	Đoàn Thị Hồng		6/4/1979	Giáo viên	TH Q.Hợp	100	
24	Đậu Thị Thảo		10/4/1987	Giáo viên	TH số 2 Q.Hưng	100	
25	Nguyễn Thị Thùy		22/02/1985	Giáo viên	TH Quảng Lưu	100	
26	Trần Thị Mỹ Hoài Thu		20/4/1986	Giáo viên	TH Cảnh Dương	101	
27	Ngô Thị Thùy Dương		5/2/1984	Giáo viên	TH Cảnh Dương	101	
28	Cao Thị Thương		17/5/1985	Giáo viên	TH Q.Phương B	100	
29	Nguyễn Thị Mai		15/01/1987	Giáo viên	TH và THCS Q.Trường	100	
30	Nguyễn Thị Bích Hồng		20/10/1969	Giáo viên	TH số 1 Quảng Phúc	100	
31	Nguyễn Văn Hiền	12/7/1986		Tổng PT Đội; G.viễn Thể	TH số 1 Quảng Phúc	100	
32	Đặng Thị Ngọc Lan	-	29/02/1984	GV Mỹ thuật	TH số 2 Quảng Phúc	100	
33	Nguyễn Thị Hoa		26/8/1972	Giáo viên	TH Quảng Thọ	101	
34	Hoàng Thị Mai Cúc		03/3/1976	Giáo viên	TH Quảng Thuận	100	
35	Phan Thị Nữ Nhi		20/12/1986	Giáo viên Tổng PT Đội	TH và THCS Quảng Thủy	101	

ca

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm xét hồ sơ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
36	Nguyễn Thị Hải Yến		16/9/1977	GV	TH Số 2 Hoàn Lão	101	
37	Nguyễn Thị Hòa Mi		20/5/1987	GV	Trường TH số 1 Thanh Trạch	100	
38	Phan Thị Minh		20/8/1985	GV	Trường TH số 1 Thanh Trạch	100	
39	Nguyễn Trung Hóa	9/8/1983		GV	Trường TH số 1 Đại Trạch	100	
40	Nguyễn Thị Thu		20/10/1978	PHT	Trường TH số 2 Sơn Trạch	100	
41	Lê Thị Kim Nhung		3/12/1975	GV	Trường TH số 2 Sơn Trạch	102	
42	Trần Thị Quỳnh Oanh		25/5/1979	GV	Trường TH số 4 Sơn Trạch	100	
43	Hoàng Phương Ngọc		10/3/1991	GV	Trường TH số 4 Sơn Trạch	100	
44	Đinh Thị Thảo		10/8/1976	GV	Trường TH Vạn Trạch	100	
45	Hoàng Thế Anh	19/11/1988		GV	Trường TH số 1 Xuân Trạch	100	
46	Nguyễn Hữu Thịnh	16/3/1990		GV Đội	Trường TH số 1 Xuân Trạch	100	
47	Phan Quỳnh Nga		7/10/1989	GV	Trường TH Mỹ Trạch	100	
48	Trịnh Thị Huệ		1/1/1973	PHT	Trường TH Lý Trạch	100	
49	Phạm Thị Bích Lan		9/11/1977	GV	Trường TH số 2 Xuân Trạch	100	
50	Doãn Trung Quân	9/2/1984		GV	Trường TH số 2 Thượng Trạch	101	
51	Nguyễn Thị Mừng		19/02/1990	GV	Trường TH Hòa Trạch	100	
52	Hoàng Thị Đào		15/10/1971	GV	Trường TH Liên Trạch	100	
53	Nguyễn Thị Lệ Vân		10/4/1975	GV	Trường TH Liên Trạch	100	
54	Nguyễn Thị Thu Hà		21/5/1975	GV	Trường TH Đức Trạch	100	
55	Cao Thị Thanh Tâm		20/9/1979	GV	Trường TH Đức Trạch	100	
56	Nguyễn Thị Liên		17/3/1975	GV	Trường TH Trung Trạch	101	
57	Lê Thị Hương		2/10/1985	GV	Trường TH Hải Trạch	100	
58	Phan Thị Tuyết		2/1/1970	GV	Trường TH Hải Trạch	100	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm xét hồ sơ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
59	Lê Thị Thu		28/10/1987	GV	Trường TH số 2 Cự Nam	100	
60	Đinh Thị Giang		4/5/1977	GV	Trường TH Lâm Trạch	100	
61	Hoàng Văn Thắng	10/5/1985		GV	Trường TH Lâm Trạch	100	
62	Thái Văn Nam	1/11/1991		GV	Trường TH số 3 Phúc Trạch	100	
63	Dương Thị Ái Vân		19/7/1988	TTCM	Trường TH Võ Ninh	100	
64	Nguyễn Thị Hà		02/8/1975	Giáo viên	TH Võ Ninh	100	
65	Võ Thị Thế Anh		04/01/1985	Giáo viên	TH Vạn Ninh	100	
66	Nguyễn Thị Mỵ Nương		25/11/1972	TTCM	Tiểu học Tân Ninh	100	
67	Nguyễn Thị Thúy Mận		12.8.1987	Giáo viên	TH Lương Ninh	100	
68	Nguyễn Sỹ Hợi	11/12/1973		Giáo viên	PTDTBT TH Trường Sơn	100	
69	Lê Thị Năm		01/06/1971	TPCM	TH Hiền Ninh	100	
70	Nguyễn Thị Phượng		07.01.1973	Giáo viên	TH Xuân Ninh	100	
71	Nguyễn Thị Kim Oanh		01/12/1975	Giáo viên	TH Hải Ninh	100	
72	Nguyễn Thị Diệu Thúy		14/12/1976	Giáo viên	TH Hàm Ninh	100	
73	Ngô Thị Huệ		05/05/1974	TPCM	PTDTBT TH Trường Xuân	100	
74	Lê Thị Thanh Bình		10/10/1973	Giáo viên	TH Vạn Ninh	100	
75	Hồ Thị Hồng Lĩnh		28.8.1989	Giáo viên	TH Ngư Thủy Bắc	100	
76	Nguyễn Đăng Thoại	05.7.1983		Giáo viên	TH số 1 Sen Thủy	100	
77	Đào Thị Dung		11.12.1985	Giáo viên	TH số 1 Hồng Thủy	100	
78	Võ Thị Bình Thiên		20.10.1985	Giáo viên	TH số 1 Hồng Thủy	100	
79	Lê Thị Mỹ Thương		24.6.1975	Giáo viên	TH số 1 Hồng Thủy	100	
80	Bùi Thị Bảy		03.02.1984	Giáo viên	TH Hoa Thủy	100	
81	Lê Thị Tuyết Ngân		09.7.1975	Giáo viên	TH Phú Thủy	100	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm xét hồ sơ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
82	Trần Thị Sương		26.01.1989	Giáo viên	TH Phú Thủy	100	
83	Trần Thị Lan		03.02.1981	Giáo viên	TH số 2 Sen Thủy	100	
84	Trần Thủy Linh		29.11.1976	Giáo viên	TH Mai Thủy	100	
85	Đào Thị Bích Thủy		11.11.1982	Giáo viên	TH số 1 An Thủy	100	
86	Hoàng Thị Lan		22.11.1976	Giáo viên	TH Sơn Thủy	100	
87	Lê Thị Vang		22.05.1982	Giáo viên	TH Xuân Thủy	100	
88	Đỗ Trung Bình	26.03.1985		Giáo viên	TH số 2 Kiến Giang	100	
89	Đoàn Thị Cẩm Nhung		07.05.1990	Giáo viên	TH Văn Thủy	100	
90	Ngô Thị Luyến		14.05.1986	Giáo viên	TH Hưng Thủy	100	
91	Lê Hạnh Ngân		26.11.1989	Giáo viên	TH số 2 Hồng Thủy	100	
92	Lê Thị Hường		16.12.1974	Giáo viên	TH số 2 Hồng Thủy	100	
93	Nguyễn Thị Thỏa		16.8.1985	Giáo viên	TH Lộc Thủy	100	
94	Hoàng Thị Huyền		20.11.1977	Giáo viên	TH Lộc Thủy	100	
95	Lê Minh Cường	10.07.1986		Giáo viên	PTDTBT TH&THCS Ngân Thủy	100	
96	Nguyễn Văn Hóa	01.12.1984		Giáo viên	PTDTBT TH&THCS Lâm Thủy	100	

Danh sách này gồm có 96 người./.

**TM. HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH**



**GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ
Trần Đình Dinh**

**DANH SÁCH GIÁO VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA VÒNG SÁT HẠCH
KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN
KHỐI MẦM NON TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II NĂM 2020**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm xét hồ sơ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Đinh Thị Kim Nhung		12/11/1977	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hóa Phúc	101	
2	Đinh Thị Kim Cúc		13/7/1976	Phó Hiệu trưởng	Trường MN số 2 Trung Hóa	101	
3	Mai Thị Hoa Lý		10/8/1970	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hóa Phúc	100	
4	Đinh Thị Thu Chiến		5/7/1975	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hóa Hợp	101	
5	Đinh Thị Hoa Phượng		1/1/1971	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Xuân Hóa	100	
6	Đinh Thị Hường		18/9/1972	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Xuân Hóa	101	
7	Đinh Thị Thu Huyền		22/7/1981	Tổ trưởng chuyên môn	Trường Mầm non Hóa Sơn	100	
8	Đinh Thị Kim Tiên		29/7/1987	Tổ trưởng chuyên môn	Trường Mầm non Xuân Hóa	100	
9	Cao Thị Trang		8/8/1986	Tổ trưởng chuyên môn	Trường Mầm non Số 2 Trọng Hóa	102	
10	Đinh Thị Hoa Hường		27/5/1986	Giáo viên	Trường Mầm non Hồng Hóa	100	
11	Đinh Thị Kim Biền		4/4/1973	Giáo viên	Trường Mầm non Yên Hóa	100	
12	Cao Thị Thùy Lê		18/01/1985	Giáo viên	Trường Mầm non Xuân Hóa	100	
13	Hoàng Thị Bích Thúy		17/7/1986	Giáo viên Mầm non	Trường MN Đồng Lâm	101	
14	Phan Thị Thu Hiền		27/9/1975	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Nam Phong	100	
15	Cao Thị Anh		15/12/1976	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Lê Hóa	100	
16	Cao Thị Huyền Trang		28/02/1991	Giáo viên	MN Q.Đông	100	
17	Trần Thị Kim Anh		20/05/1991	Giáo viên	MN Q.Đông	100	

Ch

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm xét hồ sơ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
18	Hồ Thị Mỹ Hạnh		30/4/1983	Giáo viên	MN Phù Hóa	100	
19	Hoàng Thị Lệ Tuyết		10/10/1984	Giáo viên	MN Cảnh Hóa	100	
20	Nguyễn Thị Minh		04/6/1980	Giáo viên	MN Quảng Lộc	100	
21	Mạnh Thị Thanh Minh		2/2/1979	Giáo viên	MN Quảng Lộc	100	
22	Nguyễn Thị Liễu		20/6/1970	Giáo viên	MN.Quảng Minh	100	
23	Nguyễn Thị Hà		02/6/1998	Tổ trưởng CM	MN Quảng Hải	100	
24	Nguyễn Thị Hoài Vân		07/4/1975	Giáo viên	MN Quảng Hải	100	
25	Trần Thị Nga		18/8/1990	Giáo viên	Trường MN Khương Hà	100	
26	Trương Thị Thủy		10/10/1988	Giáo viên	Trường MN Lâm Trạch	100	
27	Nguyễn Thị Hồng Chiên		22/02/1984	Giáo viên	Trường MN Hoàn Trạch	100	
28	Nguyễn Thị Hoài Thu		6/4/1976	Giáo viên	Trường MN Cự Nam	100	
29	Nguyễn Thị Trang		7/10/1989	Giáo viên	Trường MN Xuân Trạch	100	
30	Hoàng Thị Hoa		10/1/1985	Giáo viên	Trường MN Lý Trạch	100	
31	Đinh Thị Kim Nhung		17/10/1990	GV	Mn Nghĩa Ninh	100	
32	Nguyễn Thị Thu Thủy		2/3/1984	Giáo viên	MN Duy Ninh	100	
33	Lê Thị Ánh Nguyệt		10/11/1988	Giáo viên	MN Lương Ninh	100	
34	Lê Thị Luyến		23/9/1987	Giáo viên	MN Xuân Ninh	100	
35	Nguyễn Thị Đào		08/11/1970	Giáo viên	MN Xuân Ninh	100	
36	Trương Thị Thanh Thủy		02/11/1986	Giáo viên	MN Vạn Ninh	100,3	
37	Trương Thị Hóa		27/04/1985	Giáo viên	MN Vạn Ninh	100,3	
38	Trần Thị Luyên		02/5/1991	Giáo viên	MN Trường Xuân	100,3	
39	Dương Thị Hoài		27/10/1985	Giáo viên	Mầm non Tân Ninh	100	
40	Nguyễn Thị Thu Lương		02/09/1986	Giáo viên	MN Hàm Ninh	100	
41	Nguyễn Thị Tuyết Nhung		23.01.1984	Giáo viên	Trường MN Thanh Thủy	100	
42	Lê Thị Thương		27.7.1974	Giáo viên	Trường MN Phong Thủy	100	

ca

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm xét hồ sơ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
43	Nguyễn Thị Thu Thiên		05.04.1976	Giáo viên	Trường MN Liên Thủy	100	
44	Ngô Thị Thanh Thuyền		10.7.1983	Giáo viên	Trường MN Thái Thủy	100	
45	Hoàng Thị Nhị		24.11.1988	Giáo viên	Trường MN An Thủy	100	
46	Nguyễn Thị Thúy Mị		13.12.1989	Giáo viên	Trường MN An Thủy	100	
47	Nguyễn Thị Hoàn		15.06.1980	Giáo viên	Trường MN An Thủy	100	
48	Trần Thị Ngoàn		08.01.1977	Giáo viên	Trường MN An Thủy	100	
49	Nguyễn Thị Hà		26.04.1979	Giáo viên	Trường MN TT Lệ Ninh	100	
50	Trần Thị Minh Tầm		20.01.1973	Giáo viên	Trường MN Lộc Thủy	100	
51	Nguyễn Thị Thanh Hồng		13.2.1986	Giáo viên	Trường MN Kim Thủy	100	
52	Nguyễn Thị Liên		16.5.1983	Giáo viên	Trường MN Tân Thủy	100	
53	Nguyễn Thị Liễu		01.04.1973	Giáo viên	Trường MN Ngư Thủy Trung	100	
54	Võ Thị Sàng		12.8.1982	Giáo viên	Trường MN TT Kiến Giang	100	
55	Nguyễn Thị Thanh		19.9.1974	Giáo viên	Trường MN Xuân Thủy	100	
56	Phạm Thị Tám		10.10.1987	Giáo viên	Trường MN Dương Thủy	100	
57	Trần Thị Tĩnh		03.6.1983	Giáo viên	Trường MN TT Lệ Ninh	100	

Danh sách này gồm có 57 người./.

**TM. HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Giám đốc Sở Nội vụ
Trần Đình Đình**

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
HĐ XÉT THĂNG HẠNG CDNN
GIÁO VIÊN NĂM 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH GIÁO VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA VÒNG SÁT HẠCH
KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN
KHỎI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỪ HẠNG II LÊN HẠNG I**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm xét hồ sơ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Lâm Mẫu Tài	04/10/1974		TPCM	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp	102	
2	Từ Thị Thu Hải		30/7/1977	TTCM	THPT Đào Duy Từ	102	

Danh sách này gồm có 02 người./.

TM. HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH



Giám đốc Sở Nội vụ
Trần Đình Dinh